

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**KHU VỰC 1 – BẮC NINH**  
Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày 08/5/2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thân Hồng Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tin

Bà Nguyễn Thị Thuỷ Khôi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2026/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2026 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị Đào Thị T, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

\* **Bị đơn:** Anh Đỗ Quốc T1, sinh năm 1985 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số A H, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – chị Đào Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Quốc T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường B, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 01/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà anh T1. Sau một thời gian, chị phát hiện anh T1 bị nghiện ma túy, nợ nần, không chu cấp tiền nuôi con, không quan tâm đến vợ con, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Khoảng tháng 10/2025, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở V sinh sống vợ chồng sống ly thân từ đó đến

nay. Trong lúc tôi làm đơn đề nộp đến Toà án thì anh T1 bị Công an bắt vì hành vi cố ý gây thương tích và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh B. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T1 có 01 con chung là Đỗ Hà M, sinh ngày 20/4/2017. Do anh T1 đang bị tạm giam nên sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh đã phối hợp và đến Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh B làm việc với bị đơn, anh Đỗ Quốc T1 trình bày: Anh và chị Đào Thị T đăng ký kết hôn ngày 01/3/2016 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường B, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi kết hôn, vợ chồng được tự do tìm hiểu, sau khi cưới thì anh chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 4,5/2025, anh T1 đi bán hàng ở khu công nghiệp. Vợ chồng anh xa cách, phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh không còn tình cảm. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh T2 và chị T có 01 con chung là Đỗ Hà M, sinh ngày 20/4/2017. Hiện nay, anh T2 đang bị tạm giam nên không thể chăm sóc con chung và đề nghị Toà án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay, anh T2 đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh B nên anh T2 đề nghị Toà án cho anh xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp, hoà giải và xét xử tại Toà án. Do vợ chồng anh chị cũng xác định không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và đưa vụ án ra xét xử.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T, anh T2 xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của 2 bên đương sự, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của hai bên đương sự đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 -Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh T2.

- Về con chung: Giao con chung Đỗ Hà M, sinh ngày 20/4/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Đào Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Đỗ Quốc T1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là tranh chấp về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Đỗ Quốc T1 có đăng ký thường trú tại phường B, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường B, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 01/3/2016. Do vậy, Hôn nhân của chị T và anh T1 phù hợp quy định pháp luật được coi là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hiện nay chị T và anh T1 mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn chấm dứt mọi quan hệ, sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực

hiện các công việc trong gia đình nhưng chị T và anh T1 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 39 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Đỗ Hà M, sinh ngày 20/4/2017. Hiện cháu M đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, anh T1 đang bị tạm giam trong trại tạm giam, không thể trực tiếp chăm sóc con chung nên anh đề nghị Toà án giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của chị T, anh T1 là phù hợp nên cần chấp nhận giao con chung Đỗ Hà M, sinh ngày 20/4/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Trường hợp anh T1 có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 82 và Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, đương sự có tranh chấp thì có thể được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Đỗ Quốc T1.
2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Hà M, sinh ngày 20/4/2017 cho chị Đào Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi

có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định.

3. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001056 ngày 30/01/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Bắc Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 1- Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Bắc Ninh;
- UBND phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Thân Hồng Giang**